

## **Đài Loan đề xuất sửa đổi Quy định kiểm tra pháp lý đối với lớp xe ô tô**

Ngày 27/8/2024, Đài Loan thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đề xuất sửa đổi Quy định kiểm tra pháp lý đối với lớp xe ô tô do Cục Tiêu chuẩn, Đo lường và Kiểm định (Bộ Kinh tế) xây dựng. Dự thảo đề xuất áp dụng tiêu chuẩn sửa đổi CNS 1431:2023 “lớp xe ô tô” làm tiêu chuẩn kiểm tra. Nội dung của CNS 1431:2023 sửa đổi chủ yếu vẫn tương tự như quy định trước. Những khác biệt chính bao gồm bổ sung các yêu cầu về phát thải tiếng ồn khi lăn, hiệu suất phanh khi ướt và hệ số cản lăn.

Đài Loan chưa xác định thời gian dự kiến ban hành, dự thảo dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

### **Các sản phẩm (mã HS/CCCN) được đề cập và các tiêu chuẩn kiểm tra áp dụng**

Mô tả hàng hóa	Tiêu chuẩn kiểm tra*		Thủ tục đánh giá sự phù hợp	Tham khảo Mã C.C.C. (6 chữ số đầu giống với Mã HS)
Lớp xe ô tô	Cập nhật	Thay thế	Giám sát kiểm tra hoặc Đăng ký chứng nhận sản phẩm  (Mô-đun II+IV, II+V hoặc II+VII)	4011.10.00.10-5 4011.10.00.90-8 4011.20.00.10-3 4011.20.00.90-6
	CNS 1431 (revised on 21 December 2023)	CNS 1431 (revised on 16 December 2015)		

#### **Lưu ý:**

Đối với các loại lớp ô tô sau đây, Mục 4.2.6 “phát ra tiếng ồn khi lăn”, Mục 4.2.7 “hiệu suất phanh khi ướt”, Mục 4.2.8 “hệ số cản lăn” và Mục 7.3 của CNS 1431:2023 không bắt buộc:

1. Lớp loại C3 được xác định bằng:

(1) Chỉ số khả năng chịu tải trong một đội hình thấp hơn hoặc bằng 121 và ký hiệu loại tốc độ thấp hơn hoặc bằng "M"; hoặc

(2) Chỉ số khả năng chịu tải trong một đội hình cao hơn hoặc bằng 122.

2. Lớp có mã đường kính vành danh nghĩa  $\leq 10$  (hoặc  $\leq 254$  mm) hoặc  $\geq 25$  (hoặc  $\geq 635$  mm);

3. Lớp được thiết kế là “Lớp dự phòng sử dụng tạm thời” và được đánh dấu “Chỉ sử dụng tạm thời”;

4. Lớp có đinh; và

5. Lớp địa hình chuyên nghiệp.

#### **Các hạng mục kiểm tra:**

1. Các hạng mục kiểm tra không thay đổi: hiệu suất tốc độ cao, thử nghiệm độ bền, khả năng chống trượt hạt, khả năng chống trượt hạt và độ bền của lốp.

2. Các hạng mục kiểm tra được thêm vào: Đối với lớp xe loại C1 (xe chở khách) và lớp xe loại C2 (chỉ số khả năng chịu tải trong một đội hình thấp hơn hoặc bằng 121 và ký hiệu loại tốc độ cao hơn

hoặc bằng "N"), yêu cầu về phát thải tiếng ồn khi lặn, hiệu suất phanh khi bám ướt và hệ số cản lặn và nhẵn.

## **Mô tả về hai loại quy trình đánh giá sự phù hợp**

### **1. Kiểm tra giám sát**

(1) Trước khi hàng hóa được nhập khẩu hoặc hàng hóa sản xuất trong nước được vận chuyển ra khỏi cơ sở sản xuất, người nộp đơn xin kiểm tra bắt buộc phải nộp đơn lên BSMI hoặc chi nhánh của BSMI để được kiểm tra bằng cách nộp Mẫu đơn xin kiểm tra và báo cáo thử nghiệm loại lớp Loại C1 và lớp C2 về phát thải tiếng ồn khi lặn, hiệu suất phanh khi bám ướt và hệ số cản lặn.

(2) Thông tin thêm về quy trình có sẵn trên trang web của BSMI tại

<https://www.bsmi.gov.tw/wSite/public/Data/f1534306545223.pdf>

### **2. Đăng ký Chương trình Chứng nhận Sản phẩm (RPC): Mô-đun II+IV, II+V hoặc II+VII**

(1) Đối với các sản phẩm tuân theo quy trình Mô-đun II+IV, II+V hoặc II+VII, không chỉ các sản phẩm phải được thử nghiệm loại (Mô-đun II) bởi BSMI hoặc các phòng thử nghiệm được BSMI chỉ định, mà hệ thống quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất phải được kiểm toán theo Mô-đun IV (Hệ thống Quản lý Chất lượng Toàn diện), Mô-đun V (Hệ thống Quản lý Chất lượng Sản xuất) hoặc Mô-đun VII (Kiểm tra Nhà máy).

(2) Đối với Mô-đun IV và Mô-đun V, cần phải có giấy chứng nhận đăng ký được cấp theo CNS 12681 (ISO 9001) từ các tổ chức chứng nhận được BSMI công nhận. Đối với

Mô-đun VII, cần có báo cáo kiểm tra nhà máy do BSMI hoặc các tổ chức kiểm tra nhà máy được BSMI công nhận cấp.

(3) Sau khi được BSMI chứng nhận và đăng ký, các sản phẩm sẽ được phép sử dụng Dấu kiểm tra hàng hóa có chữ cái "R" và số nhận dạng do BSMI cung cấp. Ngoài ra, các sản phẩm này có thể thông quan trực tiếp mà không cần bất kỳ kiểm tra nào nữa nếu không được lấy mẫu theo quy trình kiểm tra biên giới RPC. Phí nộp đơn và phí thường niên cho RPC đều là 5.000 Đài tệ (khoảng 170 USD) cho mỗi chứng nhận và chứng nhận RPC có hiệu lực trong 3 năm. Nếu có bất kỳ sản phẩm nào theo sê-ri, sẽ tính thêm 3.000 Đài tệ (khoảng 100 USD) phí nộp đơn cho mỗi đơn đăng ký trong mỗi chứng nhận.

Phí thử nghiệm tùy theo loại sản phẩm khác nhau và phụ thuộc vào chính sách phí của các phòng thử nghiệm.

(4) Thông tin thêm về quy trình này cũng có sẵn trên trang web của BSMI tại

<https://www.bsmi.gov.tw/wSite/ct?xItem=102868&ctNode=9846&mp=2>

Địa điểm nộp đơn xin Kiểm tra giám sát hoặc Đăng ký chứng nhận sản phẩm:

· BSMI hoặc các chi nhánh của BSMI.

Địa điểm nộp đơn xin báo cáo thử nghiệm loại:

· Phòng thử nghiệm được BSMI chỉ định.

*Các yêu cầu liên quan:*

1. Các sản phẩm được liệt kê là sản phẩm tổng hợp hoặc đa chức năng phải tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm tra tương ứng. Trong trường hợp các thành phần phải chịu sự kiểm tra theo luật định, chúng cũng phải tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm tra có liên quan.

2. Các tiêu chuẩn kiểm tra lớp ô tô được liệt kê trong bảng sẽ là phiên bản được công bố trong thông báo này. Nếu có bất kỳ phiên bản cập nhật nào, BSMI sẽ công bố ngày triển khai phiên bản cập nhật trong các thông báo tiếp theo.

3. Các Mã C.C.C. được liệt kê trong bảng chỉ được sử dụng để tham khảo. Lớp ô tô phải tuân thủ các quy trình và tiêu chuẩn kiểm tra trước khi đưa ra thị trường, ngay cả khi Mã C.C.C. của chúng được Cơ quan Hải quan, Bộ Tài chính hoặc Cơ quan Quản lý Thương mại Quốc tế, Bộ Kinh tế xác định khác nhau.

*Dấu kiểm tra hàng hóa:*

Dựa trên “Quy định quản lý việc sử dụng Dấu kiểm tra hàng hóa”, Dấu kiểm tra hàng hóa sẽ được in bởi người nộp đơn kiểm tra bắt buộc. Số nhận dạng của Dấu kiểm tra hàng hóa bao gồm “Chữ cái (M hoặc R)” và “Mã chỉ định (5 chữ số)”.

***Đài Loan, thị trường xuất khẩu lớp xe ô tô có tiềm năng của Việt Nam***

Theo báo cáo của TechSci Research, thị trường lớp xe Đài Loan đạt mức 1,63 tỷ USD vào năm 2022 và dự kiến tăng trưởng 5,97%/năm trong giai đoạn 2024 – 2028. Động lực chính góp phần vào sự tăng trưởng liên tục nhu cầu tiêu thụ lớp xe ô tô tại Đài Loan gồm: Sự gia tăng nhanh chóng về quyền sở hữu phương tiện giao thông được thúc đẩy bởi tầng lớp trung lưu ngày càng tăng và điều kiện kinh tế cải thiện. Khi ngày càng có nhiều người đủ khả năng mua ô tô, nhu cầu lớp xe đảm bảo chất lượng ngày càng tăng. Ngoài sự gia tăng quyền sở hữu xe, những tiên bộ trong công nghệ lớp xe cũng đóng góp vai trò quan trọng trong việc hình thành thị trường. Trong khi đó, sự mở rộng các nền tảng bán lẻ trực tuyến đã cách mạng hoá cách người tiêu dùng mua lớp xe. Trên thị trường lớp ô tô Đài Loan, ngoài nguồn cung cấp từ các nhà sản xuất lớp xe trong nước, lớp xe nhập khẩu cũng là nguồn cung quan trọng nhằm đảm bảo khả năng lựa chọn lớp xe đa dạng cho người tiêu dùng. Trong đó có 2 sản phẩm mã HS 4011.10 và 4011.20.

Theo số liệu thống kê của ITC, nhập khẩu lớp xe ô tô mã HS 4011.10 của Đài Loan đạt 304,3 triệu USD trong năm 2023 và đạt 148,4 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2024. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp chủng loại lớp xe ô tô này lớn thứ 20 cho thị trường Đài Loan với kim ngạch đạt 503 nghìn USD, tăng 83,5% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 0,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của thị trường.

**Thị trường cung cấp lớp ô tô mã HS 4011.10 cho Đài Loan  
trong 6 tháng đầu năm 2024**

STT	Thị trường	Năm 2023 (Nghìn USD)	6 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2024 (%)
	Tổng	304.285	148.440	-4,5	100,0	100,0
1	Trung Quốc	109.225	53.618	-0,6	35,9	36,1

STT	Thị trường	Năm 2023 (Nghìn USD)	6 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2024 (%)
2	Nhật Bản	44.539	26.529	25,3	14,6	17,9
3	Thái Lan	29.455	13.981	9,1	9,7	9,4
4	Pháp	14.847	6.589	-28,8	4,9	4,4
5	Đức	16.664	6.215	-41,5	5,5	4,2
6	Hàn Quốc	7.050	4.140	33,9	2,3	2,8
7	Hungary	7.811	4.068	-6,3	2,6	2,7
8	Romania	10.400	4.007	-34,4	3,4	2,7
9	Ba Lan	7.044	3.862	18,7	2,3	2,6
10	Italia	7.558	3.687	-24,2	2,5	2,5
11	Séc	6.425	3.287	-8,0	2,1	2,2
12	Tây Ban Nha	7.562	3.030	-34,9	2,5	2,0
13	Philippin	7.819	2.666	-32,2	2,6	1,8
14	Bồ Đào Nha	5.755	2.583	-10,7	1,9	1,7
15	Indonesia	3.734	2.504	84,1	1,2	1,7
16	Slovakia	3.714	1.975	-10,3	1,2	1,3
17	Mỹ	5.470	1.778	-50,6	1,8	1,2
18	Malaysia	3.231	1.347	-21,0	1,1	0,9
19	Mexico	2.050	848	-10,2	0,7	0,6
20	Việt Nam	546	503	83,5	0,2	0,3

Nguồn: ITC

Nhập khẩu lốp xe mã HS 4011.20 của Đài Loan năm 2023 đạt 125,3 triệu USD và đạt 63,2 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2024, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Trung Quốc và Thái Lan là 2 thị trường cung cấp lốp xe mã HS 4011.20 chủ yếu cho Đài Loan với tỷ trọng chiếm 83% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường 6 tháng đầu năm 2024. Việt Nam là thị trường cung cấp sản phẩm này lớn thứ 13 cho Đài Loan, đạt 146 triệu USD trong 6 tháng đầu năm 2024, tăng 78% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 0,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của thị trường.

**Thị trường cung cấp lốp ô tô mã HS 4011.20 cho Đài Loan  
trong 6 tháng đầu năm 2024**

Thị trường	Năm 2023 (Nghìn USD)	6 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2024 (%)
<b>Tổng</b>	<b>125.353</b>	<b>63.201</b>	<b>1,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Trung Quốc	78.954	36.420	-5,5	63,0	57,6
Thái Lan	28.482	16.036	4,8	22,7	25,4
Nhật Bản	8.432	5.663	30,4	6,7	9,0
Đức	1.562	1.673	120,7	1,2	2,6
Tây Ban Nha	2.210	871	5,8	1,8	1,4
Italia	1.257	405	-10,8	1,0	0,6
Indonesia	938	444	14,7	0,7	0,7
Ba Lan	512	303	17,9	0,4	0,5

Thị trường	Năm 2023 (Nghìn USD)	6 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 6 tháng năm 2024 (%)
Hàn Quốc	323	233	232,9	0,3	0,4
Ân Độ	394	169	7,0	0,3	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ	225	154	-1,3	0,2	0,2
Mỹ	579	157	-56,9	0,5	0,2
Việt Nam	190	146	78,0	0,2	0,2
Lucxambua	149	111	236,4	0,1	0,2
Malaysia	288	100	7,5	0,2	0,2
Pháp	237	83	-34,6	0,2	0,1
Romania	247	121	12,000,0	0,2	0,2
Slovakia	257	89	67,9	0,2	0,1
Campuchia	8	5		0,0	0,0
Philippin	0	2		0,0	0,0

*Nguồn: ITC*

*Định (VITIC) thực hiện*

Ngày 28/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 165/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. Đề án đặt mục tiêu tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững;

Một trong những định hướng chiến lược của Đề án là nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các bon thấp, lao động và công đoàn.